

# VỀ CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH TẠI VIỆT NAM BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ CỦA TOÀ ÁN NƯỚC NGOÀI, PHÁN QUYẾT CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

TS. NGUYỄN TRUNG TÍN \*

## 1. Khái niệm công nhận và thực thi các quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài

Về nguyên tắc, toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền của một quốc gia chỉ công nhận và thi hành các quyết định của các toà án quốc gia đó. Điều này xuất phát từ nguyên tắc chủ quyền quốc gia trong lĩnh vực luật quốc tế. Tuy nhiên, cũng xuất phát từ nguyên tắc chủ quyền quốc gia, các quốc gia có quyền công nhận và thực thi các quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài tại lãnh thổ của mình trong các điều kiện xác định.

Trong lĩnh vực quan hệ mang tính chất dân sự không có yếu tố nước ngoài, việc công nhận và thực thi các quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài không đặt ra. Ngược lại, trong lĩnh vực quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài, các trường hợp như vậy thường xuyên đặt ra. Bởi vì, sự phát triển các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài sẽ làm nảy sinh nhiều trường hợp toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền khác của quốc gia này phải giải quyết vấn đề về công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài quốc gia khác trên lãnh thổ của mình.

Toà án và trọng tài của nước ngoài cũng như của toà án và trọng tài của quốc gia sở

tại là cơ quan tài phán của một quốc gia. Khác với toà án và trọng tài quốc gia sở tại, toà án và trọng tài nước ngoài được thành lập và hoạt động trên cơ sở của pháp luật nước ngoài.

Trong lĩnh vực tư pháp quốc tế, quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài được hiểu là các quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài về các vụ việc mang tính chất dân sự. Đó là các bản án, quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài trong các lĩnh vực dân sự theo nghĩa hẹp, các bản án kinh tế, lao động, hôn nhân và gia đình. Hay nói một cách khác, đó là các bản án và quyết định dân sự theo nghĩa rộng của toà án và trọng tài nước ngoài.

Ở các quốc gia có các hệ thống toà án và trọng tài khác nhau, quan niệm về việc phân chia các ngành luật trong hệ thống pháp luật cũng không giống nhau. Do vậy, sẽ là sai lầm nếu cho rằng quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài ở đây là các quyết định của toà án dân sự nước ngoài hoặc là các quyết định và phán quyết dân sự của trọng tài nước ngoài. Bởi vậy, yếu tố quan trọng nhất để xác định vấn đề quyết định nào được xem là quyết định của toà án và trọng tài

\* Viện nhà nước và pháp luật  
Viện khoa học xã hội Việt Nam

nước ngoài ở đây là tính chất dân sự theo nghĩa rộng của các vụ việc mà toà và trọng tài nước ngoài giải quyết. Đó cũng là đặc điểm nổi bật của các quan hệ xã hội mà tư pháp quốc tế điều chỉnh.

Khái niệm về quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hiện hành được xác định trong Điều 342 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2004 (BLTTDS).

Việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài là một trong những vấn đề tố tụng dân sự quốc tế. Bởi vậy thủ tục và các điều kiện xem xét công nhận và thực thi quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài cũng được tiến hành trên cơ sở phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của tố tụng dân sự quốc tế.

Quyết định mang tính chất dân sự của toà án và trọng tài nước ngoài là kết quả của quá trình giải quyết các tranh chấp mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài ở quốc gia khác. Quyết định đó có thể chỉ cần công nhận và thi hành tại nơi ra quyết định. Song cũng có trường hợp quyết định trên cần được công nhận và thi hành tại lãnh thổ quốc gia khác. Khi đó vấn đề công nhận và thực thi quyết định của toà án nước ngoài được đặt ra. Và, toà án hoặc cơ quan có thẩm quyền sẽ ra quyết định công nhận và cho thi hành hay không công nhận và cho thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài.

Trong việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài, các quyết định đó có thể phân làm hai loại: các quyết định chỉ cần công nhận và các quyết định cần được thi hành một cách cưỡng

bức. Các quyết định thuộc loại thứ nhất thường là các quyết định của toà án nước ngoài về tuyên bố mất tích, xác nhận sự kiện chết, hôn nhân vô hiệu, xác nhận cha cho con, li hôn v.v.. Đó là các quyết định không mang tính chất tài sản, vì vậy sự cưỡng chế ở đây là không cần thiết. Tuy nhiên, sự công nhận hay không công nhận có ý nghĩa rất quan trọng. Ví dụ, nếu như công nhận quyết định li hôn của toà án nước ngoài thì việc cho phép kết hôn tiếp đối với các bên mới có thể được thực hiện (đối với các quốc gia ghi nhận chế độ một vợ một chồng).

Có quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài không chỉ cần công nhận mà còn cần được thi hành một cách cưỡng bức. Đó thường là các quyết định mang tính chất tài sản như các quyết định về chia di sản thừa kế, nghĩa vụ cấp dưỡng, chia tài sản khi li hôn, bồi thường thiệt hại trong hoặc ngoài hợp đồng.... Đối với các quyết định loại này, việc thi hành thường là hệ quả tất yếu sau sự công nhận (đây rõ ràng là vấn đề mà Bộ luật thi hành án tương lai cần giải quyết).

## **2. Ý nghĩa của việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài**

Việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài là một việc làm cần thiết của các quốc gia. Hay nói một cách khác, công việc đó có ý nghĩa rất quan trọng với chính các quốc gia nơi quyết định cần được công nhận và thi hành.

Trước hết, việc đó là cần thiết để bảo vệ quyền lợi chính đáng của các cá nhân và pháp nhân nước ngoài. Bởi lẽ, các quan hệ

mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài phát triển, thường làm nảy sinh các tranh chấp có yếu tố nước ngoài và các tranh chấp đó có trường hợp được giải quyết ở toà án hoặc trọng tài nước ngoài. Việc công nhận và thi hành quyết định của toà án đó với các điều kiện phù hợp sẽ bảo vệ được lợi ích chính đáng của cá nhân và pháp nhân nước ngoài. Ví dụ, có một người nước ngoài được hưởng di sản thừa kế ở Việt Nam theo quyết định của toà án nước ngoài. Nếu như toà án và cơ quan có thẩm quyền khác của Việt Nam không công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định đó, người nước ngoài trên sẽ không thể được hưởng di sản ấy trong trường hợp người chiếm hữu di sản đó không tự nguyện thực hiện. Ngoài ra, việc không công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài sẽ có thể làm thiệt hại tới lợi ích công dân và pháp nhân của quốc gia nơi quyết định đó cần được công nhận và thi hành. Chẳng hạn, nếu quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài về đền bù thiệt hại trong hợp đồng không được công nhận và thực thi tại Việt Nam trong các điều kiện phù hợp thì các cá nhân và pháp nhân Việt Nam khó có thể tham gia vào các quan hệ hợp đồng với các bên nước ngoài trong tương lai. Điều này phải chăng gây thiệt hại cho họ (?).

Ngoài ra, việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài trong các điều kiện phù hợp là cơ sở để quyết định của toà án quốc gia đó được công nhận và thi hành tại nước ngoài tương ứng (trong trường hợp các quốc gia thực hiện

chính sách có đi có lại). Như vậy, trong trường hợp đó việc công nhận và thi hành trên có ý nghĩa không chỉ trong việc bảo vệ lợi ích chính đáng của cá nhân và pháp nhân của cả nước ngoài và của cả quốc gia nơi quyết định cần được công nhận và thi hành mà còn trong việc đảm bảo hiệu quả của quyết định của toà án quốc gia đó ngoài lãnh thổ trong trường hợp cần thiết.

Cuối cùng việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài trong các trường hợp thoả đáng có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài phát triển. Tất nhiên các quan hệ mang tính chất dân sự có yếu tố nước ngoài phụ thuộc vào không chỉ hoạt động công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài ở các quốc gia mà còn phụ thuộc vào các vấn đề như giải quyết xung đột pháp luật, phân định thẩm quyền, uỷ thác tư pháp quốc tế. Tuy nhiên, việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài là mắt xích rất quan trọng của hệ thống dây chuyền đó. Không giải quyết vấn đề ấy hoặc giải quyết không phù hợp (công nhận và thi hành trong mọi trường hợp hoặc quá chặt chẽ) sẽ làm cho việc giải quyết các vấn đề khác trở nên vô nghĩa. Ví dụ, việc giải quyết xung đột pháp luật phù hợp sẽ giúp các quan toà và các trọng tài viên ra được quyết định chuẩn xác để bảo vệ được lợi ích chính đáng của các bên. Song nếu việc công nhận và thi hành bị trục trặc thì quyết định trên của toà hoặc trọng tài chỉ mang tính chất đạo đức.

### **3. Vấn đề công nhận và thi hành các quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài ở các nước**

Do nhận thức được sự cần thiết của vấn đề công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài, các quốc gia đều giải quyết vấn đề theo hướng tích cực. Tuy nhiên, cách thực hiện ở các quốc gia không thống nhất.

Thực tiễn thế giới cho thấy có hai cách thức giải quyết vấn đề này.

Theo cách thứ nhất, việc công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài được tiến hành sau khi có quyết định của toà án quốc gia nơi quyết định cần được công nhận và cho thi hành. Khả năng, điều kiện, thủ tục công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài tại quốc gia sở tại được quy định trong điều ước quốc tế được kí kết giữa quốc gia sở tại với các quốc gia hữu quan và pháp luật quốc gia sở tại (cách thức này đang được áp dụng ở nước ta).

Theo cách thứ hai, quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài, không cần có quyết định của toà án quốc gia sở tại về công nhận và thi hành quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài đó, được công nhận và thi hành trên lãnh thổ quốc gia sở tại như chính quyết định của toà án và trọng tài quốc gia ấy. Cách thức này thường được ghi nhận trong các điều ước quốc tế khu vực (ví dụ, Liên minh châu Âu).

### **4. Công nhận và thi hành tại Việt Nam các quyết định của toà án và trọng tài nước ngoài theo pháp luật hiện hành**

#### *a. Đánh giá chung*

Vấn đề công nhận và thi hành quyết định

của toà án và trọng tài nước ngoài tại Việt Nam hiện nay chủ yếu được quy định trong BLTTDS. Bộ luật này ghi nhận các vấn đề như: khái niệm quyết định dân sự của toà án và quyết định trọng tài nước ngoài (Điều 342); nguyên tắc công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài (Điều 343); quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài (Điều 344); điều kiện không công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, quyết định của trọng tài nước ngoài (Điều 356 và Điều 370)...

Về khái niệm bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, khoản 1 Điều 342 BLTTDS quy định: "*Bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài là bản án, quyết định về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động, quyết định về tài sản trong bản án, quyết định hình sự, hành chính của toà án nước ngoài và bản án, quyết định khác của toà án nước ngoài mà theo quy định của pháp luật Việt Nam được coi là bản án, quyết định dân sự*".

Về khái niệm quyết định của trọng tài nước ngoài, khoản 2 Điều 342 BLTTDS quy định: "*Quyết định của trọng tài nước ngoài là quyết định được tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam hoặc trong lãnh thổ Việt Nam của trọng tài nước ngoài do các bên thoả thuận lựa chọn để giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật kinh doanh, thương mại, lao động*".

Về nguyên tắc công nhận và cho thi hành

bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài tại Điều 343 BLTTDS quy định sáu nguyên tắc.

Về các điều kiện không công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài được quy định tại Điều 356 BLTTDS. Các điều kiện như vậy được xem xét tại toà án Việt Nam khi toà ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài. Các điều kiện đó phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo vệ lợi ích chính đáng của các bên và phù hợp với trật tự pháp lí của Việt Nam.

*b. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam các quyết định toà án nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hiện hành*

Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài bắt đầu từ ngày Bộ tư pháp nhận đơn yêu cầu theo quy định tại Các điều 350, 351 BLTTDS.

Theo Điều 352 BLTTDS, trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu, các giấy tờ, tài liệu kèm theo, Bộ tư pháp phải chuyển hồ sơ đến toà án có thẩm quyền theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 của Bộ luật này.

Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Bộ tư pháp chuyển đến, toà án có thẩm quyền phải thụ lí và thông báo cho viện kiểm sát cùng cấp biết (khoản 1 Điều 353 BLTTDS).

Theo khoản 1 Điều 354 BLTTDS, trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày thụ lí (nếu có yêu cầu giải thích thì thời hạn này kéo dài

thêm hai tháng), tùy từng trường hợp mà toà án ra một trong các quyết định sau đây:

- Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu, nếu người gửi đơn rút đơn yêu cầu hoặc người phải thi hành đã tự nguyện thi hành hoặc người phải thi hành là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của người đó không được thừa kế hoặc nếu người phải thi hành là cơ quan, tổ chức đã bị giải thể, phá sản mà quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức đó đã được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu và trả lại hồ sơ cho Bộ tư pháp trong trường hợp không đúng thẩm quyền hoặc không xác định được địa chỉ của người phải thi hành hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành;

- Mở phiên họp xét đơn yêu cầu.

Trong trường hợp toà án yêu cầu giải thích theo quy định tại khoản 2 Điều 353 của Bộ luật này thì thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu được kéo dài thêm hai tháng.

Theo khoản 2 Điều 354 BLTTDS, trong thời hạn một tháng, kể từ ngày ra quyết định mở phiên họp xét đơn yêu cầu, toà án có thẩm quyền phải mở phiên họp xét đơn yêu cầu.

Vấn đề đặt ra ở đây là phiên họp xét đơn yêu cầu tiến hành là bao lâu. Điều 355 BLTTDS không quy định rõ (nhất là khi kiểm sát viên vắng mặt hoặc người phải thi hành vắng mặt có lí do chính đáng).

*c. Thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và thi hành tại Việt Nam các quyết định của trọng tài nước ngoài theo pháp luật Việt Nam hiện hành*

Về thủ tục và trình tự công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài

nước ngoài, trong BLTTDS ghi nhận các quy định quan trọng. Thông thường quyết định của trọng tài được các bên tự nguyện thực hiện song trong trường hợp không tự nguyện thực hiện, bên được thi hành phải tiến hành một số thủ tục pháp lý nhất định.<sup>(1)</sup>

Thủ tục và trình tự công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài được bắt đầu bằng việc đưa đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài tới Bộ tư pháp Việt Nam (khoản 1 Điều 364 BLTTDS). Đơn này có nội dung sau: Tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, cơ quan phải thi hành hoặc họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc của cá nhân được thi hành hoặc của người đại diện hợp pháp tại Việt Nam của tổ chức cá nhân đó (nếu có); tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, cơ quan được thi hành hoặc họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc của cá nhân phải thi hành. Trong trường hợp tổ chức phải thi hành không có trụ sở chính tại Việt Nam, cá nhân phải thi hành không cư trú làm việc tại Việt Nam thì cần phải ghi rõ địa điểm nơi có tài sản tại Việt Nam liên quan đến việc thi hành; yêu cầu của tổ chức, cơ quan, cá nhân được thi hành (Điều 364 BLTTDS).

Khái niệm "người đại diện hợp pháp của tổ chức cá nhân" cần được xác định theo các quy định được ghi nhận trong Bộ luật dân sự Việt Nam năm 2005. Đại diện hợp pháp bao gồm: đại diện theo pháp luật và đại diện theo uỷ quyền. Đại diện theo pháp luật là đại diện do pháp luật quy định hoặc

cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Đại diện theo uỷ quyền là đại diện được xác lập theo sự uỷ quyền của người được đại diện được sự chấp thuận của người đại diện. Chẳng hạn, người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ pháp nhân hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền là người đại diện theo pháp luật. Người này có thể uỷ quyền cho người khác thay mặt mình thực hiện những công việc nhất định. Như vậy, trong trường hợp tổ chức, cá nhân được thi hành (hoặc phải thi hành) không thể tự mình tham gia vào quá trình tố tụng này thì họ có thể nhờ người đại diện hợp pháp thay mặt mình tham gia.

Theo quy định của BLTTDS, để toà án Việt Nam có thẩm quyền xét đơn yêu cầu, các bên được thi hành, ngoài đơn yêu cầu còn phải nộp một số giấy tờ cần thiết, kèm theo đơn. Đó là các giấy tờ được quy định trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam kí với các quốc gia nước ngoài hữu quan (khoản 1 Điều 365 BLTTDS). Trong trường hợp không có điều ước quốc tế hoặc trong điều ước quốc tế không có quy định về các giấy tờ đó thì phải nộp theo đơn các giấy tờ sau: bản sao quyết định của trọng tài nước ngoài; bản sao thoả thuận trọng tài.

Tài liệu gửi kèm theo đơn yêu cầu bằng tiếng nước ngoài thì phải được gửi kèm theo bản dịch ra tiếng Việt đã được công chứng, chứng thực hợp pháp.

Căn cứ vào quyết định trọng tài, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ xác định quyết định đó là quyết định của trọng tài nước ngoài và căn cứ vào đó để quyết định

xem quyết định của trọng tài nước ngoài đó có được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam không. Căn cứ vào quyết định, các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cũng xác định được nội dung đơn yêu cầu của bên được thi hành có phù hợp không (nếu như xét được công nhận và thi hành tại Việt Nam).

Ngoài chứng thực trên về sự tồn tại quyết định của trọng tài nước ngoài, văn bản chứng thực về sự tồn tại thoả thuận trọng tài cũng có ý nghĩa rất quan trọng. Về nguyên tắc, nếu không có thoả thuận về trọng tài thì trọng tài nước ngoài không giải quyết.

Tuy nhiên, trong quá trình công nhận và thi hành quyết định của trọng tài, bên phải thực thi có quyền kháng cáo quyết định của toà án về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài với lí do các bên không thoả thuận về trọng tài hoặc thoả thuận về trọng tài không hợp pháp. Do vậy, việc xem xét thoả thuận về trọng tài của các bên có ý nghĩa rất quan trọng trong việc công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài.

BLTTDS quy định đầy đủ về xét đơn yêu cầu (các điều từ Điều 364 đến Điều 371). Theo đó trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu và giấy tờ hợp lệ kèm theo, Bộ tư pháp chuyển hồ sơ cho toà án có thẩm quyền. Trong thời hạn hai tháng, kể từ ngày thụ lí, tuỳ từng trường hợp, toà án ra một trong các quyết định sau: tạm đình chỉ xét các đơn yêu cầu; đình chỉ việc xét đơn yêu cầu; mở phiên toà xét đơn yêu cầu.

BLTTDS quy định rõ nguyên tắc xét đơn yêu cầu là hội đồng không xét xử lại vụ tranh chấp đã được trọng tài nước ngoài giải

quyết mà chỉ kiểm tra đối chiếu quyết định của trọng tài nước ngoài, các giấy tờ, tài liệu kèm theo với các quy định của Bộ luật này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế mà Việt Nam kí kết hoặc gia nhập có liên quan quyết định. Nguyên tắc này là nguyên tắc quan trọng nhằm đảm bảo những mặt lợi của phương thức giải quyết các tranh chấp bằng con đường trọng tài. Điều này được áp dụng trong thực tiễn trọng tài ở các nước và cũng được thừa nhận trong các điều ước quốc tế. Ví dụ, trong Quyết định của Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao ngày 16/05/2000 về việc xét đơn yêu cầu công nhận và thi hành quyết định của Toà án trọng tài thương mại quốc tế trực thuộc Phòng thương mại và công nghiệp Liên bang Nga đã nêu rõ: "*Toà án các cấp của Việt Nam không xem xét lại nội dung của vụ tranh chấp...*".

Như vậy, so với thủ tục và trình tự xét đơn yêu cầu công nhận và thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định của toà án nước ngoài, trình tự và thủ tục xét đơn yêu cầu công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài có những điểm giống nhau và khác nhau cơ bản. Điểm khác nhau chủ yếu ở đây là về mặt thời gian. Các quy định như vậy là phù hợp, bởi điều đó nhằm đảm bảo tính ưu việt (nhanh chóng) vốn có của việc giải quyết tranh chấp qua trọng tài so với toà án./.

---

(1).Xem: "Giáo trình Luật thương mại quốc tế", Trường Đại học luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội - 2000, tr. 170-171.